|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/TT-NHNN  |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

 |
| **DỰ THẢO****3.4.2025** |

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 1 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN**

 1. Điểm b khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“*b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó bao gồm nhóm tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống và nhóm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phân theo loại hình hoạt động, loại hình sở hữu.”

 2. Khoản 5, 6 và 17 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

*“5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô* là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

*6. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô* là Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

*17. Sổ tay giám sát an toàn vi mô, sổ tay giám sát an toàn vĩ mô* là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ giám sát an toàn vi mô, giám sát an toàn vĩ mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;

b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát;

c) Các công cụ hỗ trợ giám sát;

d) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;

đ) Hồ sơ giám sát ngân hàng;

e) Mẫu báo cáo giám sát an toàn vi mô, mẫu báo cáo giám sát an toàn vĩ mô.”

3. Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 “1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguyên tắc theo quy định của pháp luật có liên quan về hoạt động giám sát ngân hàng.”

4. Điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

b) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137 và 138 Luật Các tổ chức tín dụng; và việc tuân thủ quy định về phân loại tài sản có, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng; và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương IV Luật Các tổ chức tín dụng;

đ) Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng: Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát. ”

 5. Tiêu đề khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 “3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát rủi ro thông qua phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng về một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:”

 6. Khoản 4a Điều 9 được bổ sung như sau:

 “4a. Trong từng thời kỳ, trường hợp cần thiết, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành mô hình và phương pháp phân tích rủi ro và tổ chức triển khai để thực hiện giám sát rủi ro.”

 7. Điểm b(i) khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Xem xét những tác động trọng yếu đến quản trị, điều hành của đối tượng giám sát an toàn vi mô thông qua đánh giá tối thiểu các nội dung sau đây:

(i) Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quy định tại Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng của đối tượng giám sát an toàn vi mô;”

 8. Điểm b khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 “b) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được can thiệp sớm theo quy định của pháp luật và Thông tư này;”

9. Điểm c(i) khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“(i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;”

10. Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng được can thiệp sớm, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm phương án khắc phục, các văn bản, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Chương IX Luật Các tổ chức tín dụng và hồ sơ, tài liệu kèm theo trong quá trình thực hiện can thiệp sớm.”

11. Điểm b(i) khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;”

12. Khoản 1 Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vi mô

a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

b) Tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:

(i) Áp dụng các biện pháp quy định tại Điều 59 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(ii) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng thực hiện chế độ báo cáo;

(iii) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;

(iv) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

 (v) Thực hiện can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt hoặc áp dụng các biện pháp cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật có liên quan;

(vi) Quyết định thành lập tổ giám sát để theo dõi, giám sát đối tượng giám sát ngân hàng;

(vii) Đình chỉ, chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(viii) Áp dụng các biện pháp kiểm soát giao dịch tiềm ẩn rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(ix) Đình chỉ, tạm đình chỉ, miễn nhiệm chức vụ của người quản lý, người điều hành và xử lý cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây nguy cơ mất an toàn hoạt động cho đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật; kiến nghị cấp có thẩm quyền không bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc xử lý bằng biện pháp khác đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật gây nguy cơ mất an toàn hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;

(x) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”

13. Khoản 2a Điều 21 được bổ sung như sau:

“2a. Các biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô

a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng nhà nước sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

c) Kiến nghị đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô áp dụng biện pháp xử lý quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”

14. Khoản 1 Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Căn cứ kết quả giám sát, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng.”

15. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 23. Can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng**

1. Thẩm quyền quyết định trong việc can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung sau đây đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

(i) Thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng;

(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 156; áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế quy định tại Điều 157; điều chỉnh các yêu cầu, biện pháp hạn chế, nội dung phương án khắc phục quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Xem xét, chấp thuận việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm quy định tại khoản 4 Điều 158; việc sửa đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng;

(iv) Có văn bản chấm dứt can thiệp sớm quy định tại Điều 161 Luật Các tổ chức tín dụng;

(v) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Chương IX Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản này đối với đối tượng giám sát (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đối với các nội dung vượt thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này;

c) Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện các trách nhiệm và quyền quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật Các tổ chức tín dụng.”

 16. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 **“Điều 24. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng**

 1. Thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

 2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.

 3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.

 4. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.

 5. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 15 Thông tư này.

 6. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vĩ mô và Danh sách các tổ chức tín dụng có tầm quan trọng hệ thống.

 7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.”

17. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

 “**Điều 25. Trách nhiệm của** **Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng**

 1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

 2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo quy định tại Thông tư này.

 3. Xem xét, quyết định cơ chế cán bộ chuyên quản đối với từng đối tượng giám sát ngân hàng theo nguyên tắc sau đây:

 a) Cán bộ chuyên quản có quyền tiếp cận thông tin tổng thể về đối tượng giám sát ngân hàng do mình giám sát, bao gồm cả thông tin trong hoạt động thanh tra ngân hàng và hoạt động cấp phép;

 b) Cán bộ chuyên quản được xem xét tham gia các đoàn thanh tra mà đối tượng thanh tra là đối tượng giám sát ngân hàng do cán bộ chuyên quản đó giám sát.

 4. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.

5. Tham mưu, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

6. Đầu mối, phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với từng loại hình tổ chức tín dụng trong từng thời kỳ.

 7. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

 8. Giám sát việc thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

 9. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vi mô; tham mưu, trình Thống đốc ban hành hướng dẫn về quản lý, giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, ngân hàng nước ngoài.

 10. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.”

18. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh**

1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh.

2. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là quỹ tín dụng nhân dân).

3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là chi nhánh của tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân).

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

5. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

6. Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 8 Điều 25 Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật.”

**Điều 2.**

1. Bỏ khoản 18 Điều 3, khoản 2 Điều 5, điểm b, c(ii) và c(iii) khoản 3 Điều 12, Điều 27, Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

2. Bỏ cụm từ “yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” tại khoản 4 Điều 7; bỏ cụm từ “theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này” tại điểm a khoản 1 Điều 16; bỏ cụm từ “yêu cầu hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô)” tại Khoản 1 Điều 19; bỏ cụm từ “quyết định hoặc trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô)” tại khoản 1 Điều 20; bỏ cụm từ “trình Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại khoản 2 Điều 21; bỏ cụm từ “, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” tại khoản 15 Điều 4, khoản 5 Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

3. Thay đổi cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại Điều 28 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

4. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng; Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại Điều 31 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

5. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

6. Thay đổi cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” thành cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 08/2022/TT-NHNN.

 **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Trong thời gian chưa ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô, Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này, đơn vị giám sát an toàn vi mô, đơn vị giám sát an toàn vĩ mô thực hiện theo Mẫu báo cáo giám sát quy định tại Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Ban lãnh đạo NHNN;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Công báo;* Cổng TTĐT của NHNN
* Lưu:VP, PC, ATHT2 (03 bản).
 | **THỐNG ĐỐC** |